



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUE
Last Middle First

Current Address: Ap. Xay dung - Giong dien - Thong Nhat - Dong Nai

Date of Birth: 03-01-1950 Place of Birth: Quang Tri

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To 05-26-1987
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI QUYNH NGOC	1953	wife
NGUYEN THI NGOC XUAN	1983	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TY CÔNG AN B.T.T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huê, ngày 16 tháng 5 năm 1981

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/TTQV, Công vụ số 240 ngày 4-4-1978 và ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xét, tha và gia hạn đối với các binh sĩ, hạn viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, dân phủ phản động hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo các trại trong tỉnh.

Thi hành quyết định theo 01 QĐ ngày 16 tháng 5 năm 1951 của
ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỜNG TỶ CÔNG AN BÌNH THỊ THIÊN

KHÁ LỆNH THẠ

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Trâm

Ngày tháng năm sinh 10/10/1970

Quê quán: Quảng Nam

Trú quán 38/60 địa điểm 100 Phố Hà Nội

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Thầy và Ông Trưa Ông Sếp.

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, công an xã

Việt Nam Dân Chủ Chủ Nghĩa

thuộc lãnh *Quảng Nam* phải chịu sự quản chế của chính quyền địa

phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy định của

Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

K/T TRƯỞNG TY CÔNG AN
HỘI THỊ THIÊN

OLYMPIA THIÊN

Đã đến đơn của lan em

trình diện

Đã nhận ngày 29/5/81

Th

Tu Phan Văn Đình

* Chấp hành quyết định: 123 của HĐ
Chức vụ và get: 536 của UBND
MSSD: 123456789

~~Đã nhận~~

CAN HÒA LÊ NGUYỄN THÚY (Phụ)
Số 100 Đường Lê Lợi
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ngày 30/5/1981

Đ. Trường Sơn

1/1/81

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT.

ODP IV

ORDERLY Departure
program 127 Panjabum.
BLDG South Sathorn &
road Bangkok 10120.
Thailand.

Fill out this questionnaire in English;
as completely as possible if you cannot
read or write in English. Fill it out in
Vietnam.

A. Basic identification data.

1. Name : NGUYỄN HUỆ
2. Other name : Trung
3. Date / Place of Birth : March 01 1950, Quảng Bình
4. Residence address : Ấp Xây Dựng, Xã Đông, Huyện Thống Nhất
Tỉnh Đồng Nai
5. Mailing address : 260/16 LÊ QUANG BÌNH BÌNH THẠNH
T.P Hồ Chí Minh
6. Current occupation : Worker

B. Relation To Applicant.

(Note: Your spouse and unmarried children are the
only relative. Eligible. To company you list marital
status as follows: Married (M) Divorced (D) widowed (W)
or Single (S).

Name :	DOB	Pop	Sex	Relationship
1) <u>Trần Thị Quỳnh Ngọc</u>	<u>1959</u>	<u>Hà Nội</u>	<u>Women</u>	<u>Spouse</u>
2) <u>Nguyễn Thị Ngọc Xuân</u>	<u>1983</u>	<u>T.P Hồ Chí Minh</u>	<u>Girl</u>	<u>children</u>

(Note. For the persons listed above we require copies of birth;
certificates, marriage, certificates (if married) divorces, death
(if divorced), spouse's death, certificates (if widowed) Identification
cards (if available) and photos, if any of the above relatives
do not live with, please not/ accompanying their address
in section below).

G. Relations outside Vietnam.

of myself.

of my spouse

1) closest relative in the US.

a - Name: No.

b - Relationship.

c - Address.

d - Date of relative arrival in U.S.

2 - closest relative in other foreign countries.

a - Name. No.

b - Relationship.

c - address.

D - complete family leaving (Living/dead).

1) Father: NGUYỄN BÌNH (dead).

2) Mother: NGUYỄN THỊ BÙN (Living)

3) Spouse: Trần Thị Quỳnh Ngọc (Living)

4) Former spouse (if any). No.

5) Children:

1 - Nguyễn Thị Ngọc Xuân.

G. Siblings:

1 - Nguyễn Quốc. Living. 36/60 Hoàng Hoa Thám Đà Nẵng

2 - Nguyễn Thị Bích Huệ Living 36/60 Hoàng Hoa Thám

Đà Nẵng.

H. Dual employment, my U.S. Government outside, or other U.S. organizations or you or your spouse.

1. Employee Name:

position title:

Agency / Company / office.

Length of Employment: From To

Name of American Supervisor

Reason for Separation

2. Employment Name

position title

Agency / Company / office.

Length of Employment From To

Name of American Supervisor

Reason for Separation

3. Employee Name

position title

Agency / Company / office.

Length of Employment From To

Name of American Supervisor

Reason for Separation

F. Service with GVN or RVN by you or your spouse.

1) Name of person Service: NGUYỄN HUỆ.

2) Dates 12 1972 From 12 1972 To 30 7 1975.

3) Last Rank 2nd lieutenant Serial number (police),

4) Ministry / office / Military unit Village Trại Lân,
district Hải Lăng, city Quảng Trị

5) Name of supervisor / c.c Major PHAN RANG.

6) Reason for Separation looking for job ~~and~~ living.

7) Name of American advisor.

8) US Training courses in Vietnam.

9) U.S awards or certificates. No

Name of award No Date received.

(Note. Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available Available Yes No No)

G - Training outside Vietnam of you or your spouse.

1. Name of Student / trainee No.
2. School and School address
3. Dates - From To
- 4) Description of courses.
5. Who paid for training

(Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available Available. yes ... No - No)

H - Receducation of you or your Spouses

1. Name of person in receducation: NGUYỄN HUỆ
2. Time in Receducation From April 1975 To May 26-1981
- 3) Still in receducation yes ... No No

(if released, we must have a copy of your Release certificate)

I. Any additional Remarks

1. Please ODP accept my Application as soon as possible.

Signature.

nhl
Nguyễn Huệ

date.

November 10. 1989.

J - Please List Here All Documents attached To this Questionnaire.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

190-1.3p - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số

Quyển số

Họ và tên	NGUYỄN THỊ NGỌC XUÂN		Nam, Nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	hai mươi bảy, tháng tám, năm một nghìn chín trăm tám mươi ba 27.8.1983			
Nơi sinh	Xã Từ Lễ			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Huân 1950		Trần T. Quỳnh Ngọc 1953	
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp	Công nhân			
Nơi ĐKNK thường trú	20/16 Lê Quang Định			
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.G.C. của người đứng khai.	Nguyễn Huân			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 5 tháng 9 năm 1983
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày tháng năm

TAM/UBND ký tên đóng dấu



Thủy Tiên Bưu

Quốc gia Việt Nam

Hồ tịch Việt Nam

Nam : 1953

Số : 9944

QUỐC GIA VIỆT NAM

++

TOA THỊ CHÍNH HÀ NỘI

++

GIẤY LƯOC SẠO KHUAT SANG

++



Họ và tên : Trần thị Quỳnh Ngọc
Ngày sinh : Mười một tháng mười năm 1953
Nơi sanh : 18 Phố Cua Bú Hố 181
Là con gái : Trần tố Huyền
Nghề nghiệp : Kỹ nghệ gia
Và : Vũ thị Tinh
Là vợ : Vô kê.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 1953

T.N.N. Thị Trưởng

Chư sự Phong Hồ tịch

Ký tên : Đoàn triển i (dấu)

Dịch dụng theo

Saigon, ngày 22 tháng 7 năm 1972
Chánh lục sự Tòa Hồ tịch Saigon
kiêm thông dịch viên lưu thể



Phan thiêu Côn

BỘ TƯ - PHÁP

VIỆT NAM CÔNG - HÒA

SỞ TƯ - PHÁP

Toà HC/Phủ-Thủ

Chứng - Chỉ Thể Vì Khai - Sinh

Số 669

NGUYỄN - HUE

Ngày 21-7-71

Củ.

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một tháng Bảy

ngày 21 bởi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là Thiệu-Tá Phạm-Dũng

Chánh Án Tòa Hòa giải Phủ-Thủ

ngồi tại văn phòng có Ông Ngô-đức-Tụy Lực sự giúp việc

Có Ông Bà Nguyễn-Huê 19 tuổi nghề nghiệp

Học sinh trú tại Phủ-Thủ

thẻ kiểm tra số 00794057 ngày 21-7-69 do Ông-Tri

cấp đến trình rằng biện không thể xin trích lục

khai sanh của NGUYỄN-HUE sanh ngày

CT tháng 3 năm 1952 tại làng Chánh-Trúc

quận Quang-Trạch tỉnh Quang-Bình được vì lẽ

Số hồ thất lạc vì biển cổ Mậu-Thân

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên sau đây do y dẫn đến đề lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ tịch nói trên.

LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

1) Trần-Dung 34 tuổi nghề nghiệp Quân-viện

trú tại Phủ-Thủ, Phủ-Thủ

thẻ kiểm tra số 015467T ngày 10-3-70

do Quang-Tri cấp

2) Trần-thị-Hoa 57 tuổi nghề nghiệp Nội-trợ

trú tại Phủ-Thủ, Phủ-Thủ

thẻ kiểm tra số 0170345 ngày 21-4-69

do Dương-Thủy cấp

3) Võ-Dung 68 tuổi nghề nghiệp làm thuê

trú tại Phủ-Thủ, Phủ-Thủ

thẻ kiểm tra số 0109743 ngày 09-2-69

do Hữu-Huân cấp

Ba nhân chứng trên này đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337 HV HINH LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc hội đồng cầm đoan quả quyết biết

cuộc tên NGUYỄN-HUE

sanh ngày Một một (01) tháng Ba (3)

năm Một ngàn chín trăm năm mươi hai (1952)

tại làng Chánh-Trúc quận Quang-Trạch

tỉnh Quang-Bình con ông Nguyễn-thị-Buôn và bà

Nguyễn-thị-Buôn hai ông bà này đã chánh thức lấy nhau



Những nhân chứng trên khai rằng hiện nay đương sự không thể xin
sao lục giấy khai sinh nói trên được vì lẽ

Sổ hộ thất lạc trong biến cố Mậu-Thân

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và
chiếu điều 47 48 H. V. HỘ LUẬT lập chứng chỉ thể vi khai sinh này cho

tên NGUYỄN-HUÊ sinh ngày 08-01-1952
tháng 01 năm Một ngàn chín trăm
năm mươi hai (1952)

tại làng Chanh-Trúc quận Quảng-Trạch tỉnh Quảng-Bình
con ông Nguyễn-Bình và bà Nguyễn-thị-Buồn
để cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và Ông Lục sự sau
khi nghe đọc lại.

Lục-sự

Chánh-áo

Ngô-đức-Tuý

Thiếu-Tá Phạm-Dũng

Những người chứng

Người đứng xin

1.) Trần-Dũng

Nguyễn-Huê

2.) Trần-thị-Hoa

3.) Võ-Dũng

SAO V CHANH SAN

LỤC-SỰ

NGÔ ĐỨC TUYÊN

Trước-bà tại Huế

ngày 2 tháng 8 năm 1977

Quyển 66 tờ 5 số 234

Thâu 72600

TY-TRƯỞNG TRƯỚC BA



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

M. 11. 13. 83

Xã, Thị trấn: P.10Thị xã, Quận: Bình ThạnhThành phố, tỉnh: HCMBẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔNSố 06Quyển _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	NGUYỄN - HUẾ	TRẦN - THỊ - QUỲNH - NGOC
Sanh ngày tháng năm hay tuổi	1/3/1930	11/10/1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt nam	
Nghề nghiệp	Dự toán kiến trúc	Quản chỉ gia công
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Ấp Kây Dư, g. Xã LXXXT Giang Điền, Huyện Thống Nhất Tỉnh Đồng Nai	260/16 Lê Quang Định, P.10, B.7
Số giấy CM, CNOC hoặc hộ chiếu		020747660

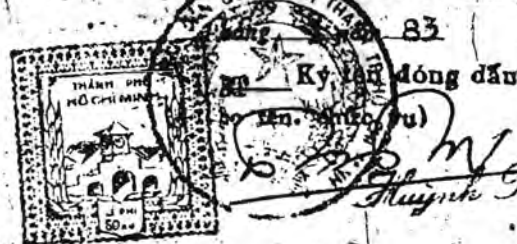
Đăng ký, ngày 17 tháng 8 năm 83TM/UBND TM Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC BẢN CHÍNH



TUYÊN AN TỈNH ĐÃN NAI
CÔNG AN THUYỀN CHỐN NHẤT
BAN CÔNG AN KẾ GIANG ĐIỀN

SỔ CHỨNG NHẬN Gia đình

(dùng cho hộ nông thôn)

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thụy hơ Lữ

Số nhà: 112/1

Ấp: Xay Dưng

NHỮNG NHÂN KHẨU ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ TRONG

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Họ tên khai sinh và tên thường gọi	Quan hệ thế nào với chủ hộ	Ngày tháng năm sinh	Nam, nữ, tuổi sinh	Nguyên quán	Số chứng minh chủ nhân dân	Dân tộc	Tôn giáo	Trình độ Sức khỏe	Chức vụ	Nghề nghiệp hiện nay	lâm nghiệp	lâm nghiệp	lâm nghiệp	lâm nghiệp
01 NGUYỄN CHÚNG HẠ LỮ	Chủ hộ	10. 5. 1956	nữ	Bình Trị Thiên	Bình Trị Thiên			Kinh	Lương	Bình Chấn	12/12	giáo viên	Trường PCCS Giang Điền	
02 PHẠM ĐỨC SÀI	Con	20. 10. 1949	nam	Hải Phòng	Hải Phòng			"	"	"	7/10	Cán bộ	UBND xã Giang Điền	
03 PHẠM ĐỨC NAM	Con	10. 11. 1978	nam	Giang Điền	nt			"	"	"	2/12	Học Sinh		
04 PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	Con	28. 3. 1980	nữ	nt	nt			"	"	"	còn nhỏ			
05 PHẠM ĐỨC DUY	Con	21. 5. 1982	nam	nt	nt			"	"	"	nt			
06 PHẠM ĐỨC PHÚ	Con	27. 10. 1987		nt				"	"	"				
07 NGUYỄN HUỆ	Anh	1. 3. 1950	nam	Bình Trị Thiên	Bình Trị Thiên			"	"	"		Xây dựng	Thành phố HCM	

Tổng số nhân khẩu: 07 (năm)
 Từ 15 trở lên: 03 (hai)
 Nam: 04 (hai)
 Nữ: 03 (một)

Chủ hộ ký tên


 Nguyễn Huệ

Giang Điền ngày 30. 6. 1980

PCU Trưởng Công an xã Giang Điền


 Nguyễn Văn Hòa

XU TRƯNG HỒ

thực hiện nay	chuyển đến	chuyển đi	ghi chú
nơi làm việc	ở đâu đến	ngày tháng đi đâu	ngày tháng
15	16	17	18
Trường PCCS Giang Định	Châu thành	1976	
UBND xã Giang Định	"	"	
"	"	"	
"	"	"	
Thành phố HCM	Đà Nẵng	1982	om 51 chuyển Lầu tối năm 1987.

6. 1980

an xã Giang Định

Nguyễn Văn Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 756274 CN

Họ và tên chủ hộ: Trần Thị Dung
Ấp, ngõ, số nhà: 260/16
Thị trấn, đường phố: Lê Quang Định
Xã, phường: 11
Huyện, quận: Bình Thạnh

Ngày 12 tháng 11 năm 1988
PO Trưởng công an: Quan
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


Kính -

Số NK 3:

Hồ sơ 4/4/1962

HS 604 Knd 714463

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

.....

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

.....

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

.....

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

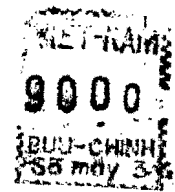
.....

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

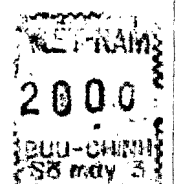
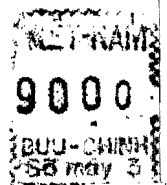
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

TRẦN NGUYỄN HUỆ
260/16 LÊ QUANG ĐỊNH
F. II. Quận Bình Thạnh
TP. HỒ CHÍ MINH

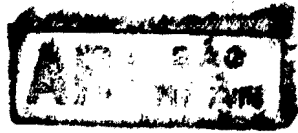


R 5 6 2

MAY BAY
PAR AVION



TO: M^{me} KHÚC MINH THO
P. O BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U.S.A



60g-29340

